TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 146/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuy Phong, ngày 14 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Dân phố A, khu phố S, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Trần Bậc B**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Dân phố 9, khu phố S, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Bà Trần Thị Mỹ T và ông Trần Bậc B đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 252, quyển số 02 ngày 15/5/2007. Nay bà Trần Thị Mỹ T và ông Trần Bậc B xác định hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ T và ông Trần Bậc B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006713 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ T số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P, huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đồng Vũ